

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/06/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		JS2-CLO	7:25	18	0		22	0	
2		P2+CLO	7:25	10+11	0+0		5+17	0+0	
3		TD1	7:25	22	0		22	0	
4		RP1+RP3+CLO	9:25	6+16+0	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
5		TD1+P10	9:25	14+5	0+0		13+9	0+0	
6		TTC2+P9+P2	9:25	3+5+10	0+0+0		0+4+18	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2019	TO: JS2 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Trường	ETA: 09:10
XANH-1			

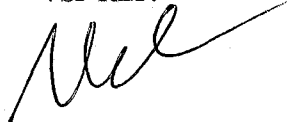
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MINIULCHKIN	JS2	50	1	14		90	DVL	Russian
2	NGUYEN VAN NAM	JS2	51	1	8		75	DVL	Vietnamese
3	LE PHU PHUC	JS2	52	1	7		80	DVL	Vietnamese
4	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	39-40	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY QUANG	CLO	51	1	9		94	YTE	Vietnamese
6	HOANG VAN HUNG	CLO	44-45	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUNG	CLO	37	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN CÔNG PHU	CLO	31	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH XUÂN PHU	CLO	29-30	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN QUANG HIEN	CLO	48-49	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MẠNH HUNG	CLO	35	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
12	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	32-33	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN DUY	CLO	46-47	2	16		65	KHOAN	Vietnamese
14	NIKOLAYEV G.M	CLO	38	1	11		71	KHOAN	Russian
15	ANDRIUSHENKO O.A	CLO	50	1	4		122	KHOAN	Russian
16	NGUYEN VAN KHOA	CLO	34	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG DUY LY	CLO	26	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN PHON	CLO	27-28	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN ĐỒNG	CLO	36	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
20	LA VIET HUNG	CLO	56-57	2	10	50	71	KHOAN	Vietnamese
21	BUI TRAN QUANG	CLO	41-43	3	15		69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

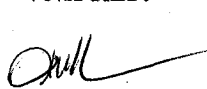
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	3	3	29	245	0	0		
2	CLO	18	28	183	1.344	50	22		
TOTAL		21	31	212	1.589	50	22		
WEIGHT KG				212	1.589	50			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2019	TO: P2 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

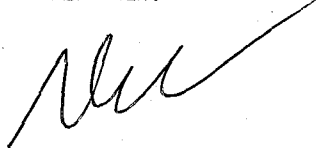
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY TIẾP	P2	73	1	10		65	PSV	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HIỆP	P2	81	1	7		75	PSV	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG VÂN	P2	74	1	7	81	72	PSV	Vietnamese
4	LÊ TUNG LAM	P2	75	1	6		62	PSV	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG KIỂM	P2	77	1	6		65	PSV	Vietnamese
6	PHAN ĐỨC THUẬN	P2	78	1	6		74	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HAI	P2	82-83	2	16		65	KHI	Vietnamese
8	VU ĐỨC HOÀNG	P2	76	1	6		66	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH THAI	P2	84	1	10		81	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN SỸ LỰC	P2	79-80	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG BĂNG	CLO	62-63	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CHI NGHIỆP	CLO	93-95	3	19		77	KHOAN	Vietnamese
13	VU VĂN ĐĂNG	CLO	91	1	6		53	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN KIM HÙNG	CLO	96	1	17		74	KHOAN	Vietnamese
15	VU VĂN LONG	CLO	90	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN TUÂN	CLO	64-65	2	11		75	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	98	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	92	1	6		54	KHOAN	Vietnamese
19	BUI XUÂN DUY	CLO	99	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	PODKATYLYN	CLO	97	1	6		90	VTB	Russian
21	NGUYỄN MINH GIAU	CLO	89	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	12	90	702	81	5		
2	CLO	11	15	105	760	0	17		
TOTAL		21	27	195	1.462	81	22		
WEIGHT KG				195	1.462	81			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

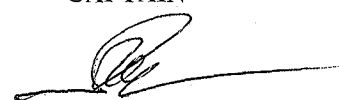
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2019	TO: TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - THỤ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	12	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	SMAKOV A.A	TD1	19	1	12		78	KHOAN	Russian
3	BUI VAN LUẬN	TD1	05-06	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	07-09	3	11		73	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN Q. LUONG	TD1	24	1	6		87	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN NGÔ HOÀNG	TD1	25-27	3	20	50	62	YTE	Vietnamese
8	HOANG VAN NAM	TD1	12	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LANG	TD1	04	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ QUỐC BAO	TD1	03	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG ANH TUÂN	TD1	02	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ BĂNG ĐOÀN*PK-PVD	TD1	17	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	TD1	16	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	14	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HAI	TD1	15	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG NGỌC QUAN-PVD	TD1	20-21	2	12		75	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN LY	TD1	01	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
18	BUI MẠNH PHÚC	TD1	23	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	TD1	11	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN THANH TUẤT	TD1	10	1	6		53	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN HUY QUANG	TD1	22	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	18	1	7		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	27	150	1.602	50	22		
	TOTAL	22	27	150	1.602	50	22		
	WEIGHT KG			150	1.602	50			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2019	TO: RP1 - RP3 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: <i>Phu</i> - MTHAO - Trường	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC HOAN	RP1	97	1	6		67	PSV	Vietnamese
2	HA QUOC VINH	RP1	28	1	5		65	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN VIET DUNG	RP1	96	1	4		80	PSV	Vietnamese
4	LE VAN QUY	RP1	98	1	8	50	70	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN HUAN	RP1	27	1	3		68	PSV	Vietnamese
6	PHAN TA DIEP	RP1	99	1	5		54	PSV	Vietnamese
7	PHAM DUC TOAN LOC	RP3	48	1	8		78	KHI	Vietnamese
8	S.CHIT HTWE	RP3	66-67	2	17		81	KHI	Myanmar
9	EMMANUEL DANIEL VIVINRAJ AMBRO	RP3	62-63	2	15		97	KHI	Indian
10	DO PHU SANG	RP3	64-65	2	15	50	68	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN THANH NAM	RP3	49-50	2	12		63	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HA	RP3	60	1	3		65	PSV	Vietnamese
13	PHAM NGOC GIAO	RP3	57	1	5		50	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NHANH	RP3	54	1	6		66	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN MINH VUONG	RP3	59	1	5		61	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HIEU	RP3	53	1	4		49	PSV	Vietnamese
17	PHAN SY CAO	RP3	51	1	4		62	PSV	Vietnamese
18	TRAN BA MAU	RP3	61	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	LE THANH HAI	RP3	52	1	7		63	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HANH	RP3	58	1	4		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG LAN	RP3	56	1	5		64	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN ANH TOAN	RP3	55	1	6		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

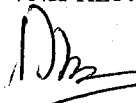
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	6	6	31	404	50	6		
2	RP3	16	20	121	1.050	50	7		
3	CLO	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	26	152	1.454	100	22		
WEIGHT KG				152	1.454	100			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

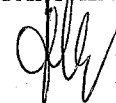
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2019	TO: TD1 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - THỤ	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THUC	TD1	33	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
2	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	35	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
3	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	32	1	8	50	63	KHOAN	Vietnamese
4	VU QUY VINH	TD1	31	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TAI-PVDT	TD1	36	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ MINH TRINH	TD1	38	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
7	VU HUY TOA	TD1	37	1	13		65	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HOANG VU	TD1	45-46	2	13		72	D-HANH	Vietnamese
9	BUI BACH DUONG	TD1	43-44	2	16		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN VU QUOC	TD1	42	1	10		65	DVL	Vietnamese
11	NGUYEEN VAN TRUNG	TD1	39	1	9		78	NIPI	Vietnamese
12	LUONG VAN PHO	TD1	41	1	5		60	NIPI	Vietnamese
13	HOANG VAN MINH	TD1	40	1	5		78	NIPI	Vietnamese
14	HỒ MINH TÂN	TD1	34	1	5		90	SHINTRAC	Vietnamese
15	TRAN VAN TRUONG	P10	20	1	8		67	PSV	Vietnamese
16	TRAN VIET LY	P10	43	1	9		78	PSV	Vietnamese
17	TRAN VAN MINH	P10	18	1	5		87	PSV	Vietnamese
18	LE VIET KHANG	P10	19	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	ĐAO VAN DUNG	P10	21	1	4		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	16	122	1.004	50	13		
2	P10	5	5	31	370	0	9		
TOTAL		19	21	153	1.374	50	22		
WEIGHT KG				153	1.374	50			

GRAND TOAL: 1.577 KGS

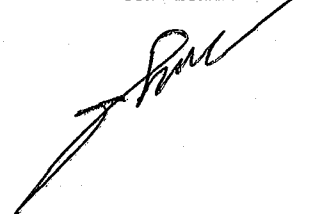
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2019	TO: TTC2 - P9 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HUU CHINH	TTC2	77	1	11	20	61	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN TAM	TTC2	78	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HUY MANH	TTC2	79	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC MINH	P9	55	1	5		58	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CHIEU	P9	54	1	6		68	PSV	Vietnamese
6	PHAM CONG TUAN	P9	52	1	5	25	58	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LINH	P9	53	1	6		68	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN HUU TUYET	P9	51	1	5		57	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN MANH HUNG	P2	699	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN CONG DANH	P2	97	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI DINH THO	P2	98	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HAI BANG	P2	95-96	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN TRUONG	P2	191,698	2	14		73	XAYLAP	Vietnamese
14	DINH DUC QUAN	P2	99,1000	2	15	20	70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	P2	91-92	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI DUC CHINH	P2	94	1	7		63	PSV	Vietnamese
17	VU HONG QUANG	P2	93	1	6		78	PSV	Vietnamese
18	PHAM THANH HUNG	P2	400	1	8		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	3	3	34	216	20	0		
2	P9	5	5	27	309	25	4		
3	P2	10	14	115	684	20	18		
TOTAL		18	22	176	1.209	65	22		
WEIGHT KG				176	1.209	65			

GRAND TOAL: 1.450 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/06/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+BK4	7:25	12+10	0+0		10+12	0+0	
2		VSP01+P11	7:25	10+12	0+0		6+16	0+0	
3		TD2	7:25	22	0		22	0	
4		CTK3+P2+P3	7:25	5+3+14	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
5		P4+P2+AMD	9:25	3+18+0	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
6		TD2+BK10	9:25	13+9	0+0		9+13	0+0	
7		P10+BK8	9:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
8		P9+BK3	9:25	18+4	0+0		16+5	0+0	
9		BK4+P8+P10	11:25	9+10+2	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
10		VSP02+P9+VSP01	11:25	9+10+1	0+0+0		7+9+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày P8-4ng, BK4-4ng, VSP01-5ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/06/2019	TO: P8 - BK4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: QViệt - Phong - PTUÁN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO	P8	18	1	5	30	65	D-HANH	Russian
2	NGUYEN NGOC NAM	P8	12	1	4		79	D-HANH	Vietnamese
3	KUZMENKO	P8	17	1	8		81	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN VAN LAM	P8	16	1	5		90	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG HIEU	P8	07	1	4		66	PSV	Vietnamese
6	HA VAN THIEN	P8	05	1	7		71	PSV	Vietnamese
7	TRAN VAN HAU	P8	09	1	10		57	PSV	Vietnamese
8	VU NGOC NAM	P8	08	1	5		81	PSV	Vietnamese
9	HOANG VAN NAM	P8	15	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN XUAN MAI	P8	10-11	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DE	P8	04	1	19		55	XAYLAP	Vietnamese
12	TRUONG VAN DUC	P8	06	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN TAN	BK4	49	1	2	50	75	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC ANH TUAN	BK4					71	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG THANG	BK4					75	KH-THAC	Vietnamese
16	BAEY	BK4					88	ANTOAN	Russian
17	PHAM XUAN MANH	BK4	47-48	2	4		64	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	51	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO DANG DUC	BK4					68	KH-THAC	Vietnamese
20	LE BA TUAN	BK4	52	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TIEN	BK4	50	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
22	CAO DAC DAN	BK4	45-46	2	15		71	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

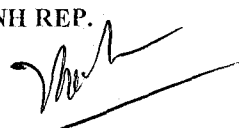
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	12	13	102	845	30	10		
2	BK4	10	8	32	731	50	12		
TOTAL		22	21	134	1.576	80	22		
WEIGHT KG				134	1.576	80			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/06/2019	TO: VSP01 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ORLOV	VSP01	92	1	5		90	KH-THAC	Russian
2	SKOROBOGATCO	VSP01	93	1	5	70	95	KH-THAC	Russian
3	AKHMADEV	VSP01	94	1	4		90	KH-THAC	Russian
4	ĐOÀN TIẾN LŨ	VSP01	91	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO THANH HUNG	VSP01	95	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN NGỌC	VSP01	87	1	5		75	PSV	Vietnamese
7	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	98	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	LÊ CAO HAI	VSP01	89	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	VSP01	90	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01	88	1	6		72	PSV	Vietnamese
11	LÊ VIỆT DŨNG	P11	12	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH THANH TAM	P11	20-21	2	7		90	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN HAI VIỆT	P11	19	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG SY NGỌC	P11	11	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI VĂN BA	P11	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NAM	P11	18	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TRỊ	P11	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P11	22-23	2	7	40	65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG TÂN	P11	15	1	5		58	PSV	Vietnamese
20	NGO VĂN THANH	P11	16-17	2	13		70	PSV	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN HUNG	P11	09	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TRUNG HAI	P11	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

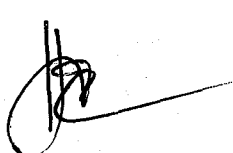
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	10	10	48	742	70	6		
2	P11	12	15	73	853	40	16		
TOTAL		22	25	121	1.595	110	22		
WEIGHT KG				121	1.595	110			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/06/2019	TO: TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN CHINH	TD2	14	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN NAM	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
3	DO XUAN VANG*TT	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
4	LY ANH TUAN	TD2	28	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
5	CAO DINH THANH	TD2	15	1	3	80	57	KHOAN	Vietnamese
6	LE HUY TUYEN	TD2	13	1	4	10	54	KHOAN	Vietnamese
7	DO VAN CUONG	TD2	11	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG DINH THANG	TD2	07	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH QUANG HUY	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
10	BUI HUU HONG	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUANG HUNG	TD2	22	1	12		77	KHOAN	Vietnamese
12	QUACH VAN TOI	TD2	17	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
13	VO SI HOAI THANH	TD2	08	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN VAN DIEP	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	12	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH QUOC KHANH	TD2	16	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
17	DINH DUY HAI	TD2	20-21	2	14		73	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN XUAN UYEN	TD2	06	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC KHANH	TD2	09	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
20	DINH VAN HUAN	TD2	10	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
21	VU VAN THUY	TD2	18	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
22	KHUAT MINH VINH*MC-PVD	TD2	19	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

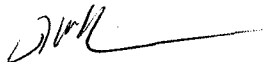
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	18	84	1.579	90	22		
	TOTAL	22	18	84	1.579	90	22		
	WEIGHT KG			84	1.579	90			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/06/2019	TO: CTK3 - P2 - P3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - THỤ	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	CTK3	03	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHUYẾN	CTK3	02	1	3		68	D-HANH	Vietnamese
3	TRỊNH MINH ĐỨC	CTK3	04	1	8		63	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3	01	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
5	CHERNHIADEV	CTK3	05	1	10		69	NIPI	Russian
6	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	39	1	10	50	77	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	40	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO VĂN ĐÀU	P2	38	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG THỦY	P3					68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HẬU	P3	23	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NHÂM ĐỨC QUANG	P3	18	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
12	MAI THANH CHIẾN-PVD	P3	25	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUYNH	P3	20	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	LE XUÂN TUYẾN	P3					60	KHOAN	Vietnamese
15	NG XUÂN QUANG-PVDT	P3	24	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH HÙNG	P3	27	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN HOÀ	P3	19	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	HUYNH TRUNG NGHĨA	P3	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN LÊN	P3	26	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY LINH	P3	21	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
21	ĐINH EM	P3	22	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
22	HÀ KIM LINH	P3	29	1	10	45	70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

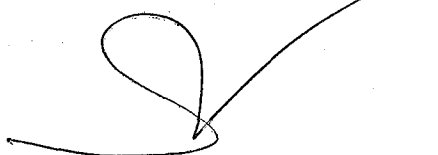
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	5	31	355	0	0		
2	P2	3	3	19	220	50	8		
3	P3	14	12	70	986	45	14		
TOTAL		22	20	120	1.561	95	22		
WEIGHT KG				120	1.561	95			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/06/2019	TO: P4 - P2 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: QViệt - Phong - PTUẤN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	37	1	3	40	77	KHI	Vietnamese
2	DOMENICO FUDA	P4	41-42	2	15		75	KHI	Italian
3	BRUNO PFLIER	P4	40	1	11		92	KHI	French
4	NGUYEN HONG QUYET	P4	38-39	2	18		65	CODIEN	Vietnamese
5	VU THANH LONG	P2	10	1	5	6	72	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ ANH NGỌC	P2	02	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THUAN	P2	13	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM MINH DƯƠNG	P2	09	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
9	VU VĂN THỌ	P2	06	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	03	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN KHÁC CÂN	P2	22	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC QUÝ	P2	04	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU PHI	P2					73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	18-19	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THANH KIM	P2	23	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC THĂNG	P2	11-12	2	20		86	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	20-21	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH PHONG	P2	07-08	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DUÂN	P2	16-17	2	11		65	CODIEN	Vietnamese
22	BUI MINH TRI	P2	14-15	2	13		68	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	4	6	47	309	40	0		
2	P2	18	22	148	1.276	6	9		
3	AMD	0	0	0	0	20	13		
TOTAL		22	28	195	1.585	66	22		
WEIGHT KG				195	1.585	66			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/06/2019	TO: TD2 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - Toan	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐOÀN ĐỨC	TD2	33	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG LINH-PVDT	TD2	34	1	5	10	70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VINH THUẬT	TD2	31	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HỮU LƯU	TD2	40	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC TÙNG	TD2	38	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH CÔNG	TD2					65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ĐÌNH THẮNG	TD2	37	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN VIỆT	TD2	35	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THAI THANH	TD2	30	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN TIẾP	TD2	29	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ TRI HOANG	TD2	32	1	8		60	DVL	Vietnamese
12	HOANG VĂN PHƯƠNG	TD2	36	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN CÔNG TÂN	BK10	14	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
14	VU XUAN THUY	BK10	13	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ TUAN HUNG	BK10	15	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CÔNG THANH	BK10	06	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG TRỌNG THAO	BK10	10-11	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN SÁCH ĐÓN	BK10	07	1	8	85	65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM SỸ HIỆP	BK10	09	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VĂN HIỆU	BK10	08	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH SƠN	BK10	12	1	7		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

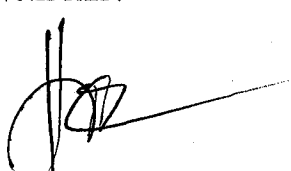
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	11	70	836	10	9		
2	BK10	9	10	68	645	85	13		
TOTAL		21	21	138	1.481	95	22		
WEIGHT KG				138	1.481	95			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/06/2019	TO: P10 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀI THANH	P10	60	1	4		67	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	P10	65	1	7	40	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	63	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
4	IVANOV	P10	49	1	7		120	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN ANH KHOA	P10	53	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BẢO LAM	P10	50	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	51	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN NAM	P10	57	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM DUY QUANG	P10	54	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU TOÀN	P10	61-62	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THÈ HANH	P10	58	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	59	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	46	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC THANH	P10	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	56	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	48	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	52	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN HỒNG LĨNH	P10	55	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	47	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH TRONG	P10	64	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NAM	P10	45	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	22	126	1.570	40	18		
2	BK8	0	0	0	0	8	4		
TOTAL		22	22	126	1.570	48	22		
WEIGHT KG				126	1.570	48			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/06/2019	TO: P9 - BK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - THỤ	ETA: 11:40
TRANG 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YAKIMIDI	P9	61	1	13		98	KH-THAC	Russian
2	LÊ VĂN LỢI	P9	69	1	4		70	YTE	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	58	1	13		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	70	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH THUY	P9	73	1	7	15	72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA KỲ	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ VĂN THOẠI	P9	59	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ AN CHUNG	P9	63	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	72	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH THUY	P9	64	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGỌC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	60	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	68	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN DUNG	P9	62	1	2		54	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HÀ	P9	65	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ SỸ BÌNH	P9	67	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC THANH	P9	66	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	VU DUY KHUÔNG	BK3	27	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	24	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK3	26	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM BA BÌNH	BK3	25	1	3	20	67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	18	15	85	1.299	15	17		
2	BK3	4	4	17	267	20	5		
TOTAL		22	19	102	1.566	35	22		
WEIGHT KG				102	1.566	35			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/06/2019	TO: BK4 - P8 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: QViệt - Phong - Trường	ETA: 13:30
nau-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHANH HÙNG	BK4	56	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC KHOA	BK4	59-60	2	17		71	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY BAI	BK4	62-63	2	17		80	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN HOÀN	BK4	57	1	7		55	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH KHA	BK4	64	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
6	PHẠM HOANG	BK4	65-66	2	10		65	CODIEN	Vietnamese
7	VÔ TIẾN PHỤNG	BK4	58	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
8	BUI XUAN HUNG	BK4	61	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HANH	P8	26-27	2	17		50	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẠO QUỐC HÙNG	P8	25	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
11	DUONG SY CHIEN	P8	24	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN VĂN HẠNH	P8	31-32	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TOÀN	P8	21	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P8	50	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ANH TUÂN	P8	28-29	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ DUY ĐỨC	P8	19	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH CUÔNG	P8	22	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	LÊ TIẾN QUÝ	P8	23	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC HÙNG	P10	69	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

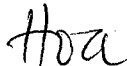
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	8	11	81	546	0	4		
2	P8	10	13	108	647	0	12		
3	P10	2	2	10	155	0	6		
TOTAL		20	26	199	1.348	0	22		
WEIGHT KG				199	1.348	0			

GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/06/2019	TO: VSP02 - P9 - VSP01	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - N.Nam	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02				15	80	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TRUNG	VSP02	35	1	5		75	PSV	Vietnamese
3	HOANG VĂN TRUNG	VSP02	27	1	5		80	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP02	30	1	2		75	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	31	1	3		59	PSV	Vietnamese
6	LUÔNG MẠNH HƯƠNG	VSP02	32	1	3		63	PSV	Vietnamese
7	VÔ ĐỨC NGHĨA	VSP02	29	1	9		63	PSV	Vietnamese
8	LÊ PHƯƠNG NAM	VSP02	28	1	6		60	PSV	Vietnamese
9	LẠI VĂN THÀNH	VSP02	33	1	7		55	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HAI	P9	52	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI VĂN TUẤN	P9	99	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN QUỐC DŨNG	P9	87	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	85-86	2	15		56	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN BĂNG	P9	585	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO CHI	P9	88	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	90	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
17	VASIANKIN	P9	89	1	16		119	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN THANH BA	P9	92	1	15		60	T-TIN	Vietnamese
19	VÔ HỮU LỘC	P9	91	1	3		60	T-TIN	Vietnamese
20	HOANG PHƯƠNG NAM	VSP01	78	1	7	20	62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	9	8	40	610	15	7		
2	P9	10	11	79	686	0	9		
3	VSP01	1	1	7	62	20	6		
TOTAL		20	20	126	1.358	35	22		
WEIGHT KG				126	1.358	35			

GRAND TOAL: 1.519 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN